

SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI RAGLAI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: *Bằng tư liệu khảo sát thực tế tại các tỉnh Nam Trung Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa,... nội dung bài viết này giới thiệu sự biến đổi văn hóa và tôn giáo của người Raglai hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết đã đưa ra một số thảo luận nhằm phát triển kinh tế xã hội, nhưng vẫn bảo tồn văn hóa và tôn giáo truyền thống người Raglai thời gian tới.*

Từ khóa: Văn hóa, tôn giáo, người Raglai.

1. Mở đầu

Người Raglai nói ngôn ngữ Malayo - Polynesia; hiện có khoảng hơn 90.000 người đứng thứ 19 trong 54 dân tộc ở Việt Nam; sống tập trung ở Ninh Thuận (57.442 người), Khánh Hòa (35.000 người), Bình Thuận và Lâm Đồng (khoảng 2.000 người). Từ sau năm 1975 đến nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách để phát triển kinh tế xã hội vùng người Raglai như Nghị Quyết 22 của Bộ Chính trị, Chương trình định canh định cư, các chương trình 134, 135, 137, v.v... Vì vậy, cuộc sống người Raglai có những bước phát triển đáng kể, nhiều làng người Raglai có điện, đường, trường, trạm. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ở vùng người Raglai vẫn còn nổi lên một số vấn đề bất cập trong quá trình phát triển. Bài viết này chỉ đề cập một góc nhỏ về sự biến đổi văn hóa và tôn giáo của người Raglai ở Việt Nam hiện nay.

2. Sự biến đổi về văn hóa của người Raglai hiện nay

Từ lâu đời, người Raglai có nền văn hóa mang bản sắc riêng. Họ thường sống thành từng làng (Paloi), ở nhà sàn. Phụ nữ mặc váy, áo ba lỗ chui đầu, đeo trang sức bằng đồng, bạc, hạt cườm và hoa tai. Đàn ông đóng khố, ở trần. Con gái 16 tuổi và con trai 18 không quan hệ máu mủ,

* ThS., Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết này trích từ một phần trong nghiên cứu của chúng tôi có tựa đề *Các tác động của chính sách Đảng - Nhà nước dẫn đến sự biến đổi kinh tế, văn hóa và xã hội của người Raglai ở Việt Nam*, tham gia Hội nghị Nhân học Quốc tế tổ chức tại Hà Nội vào ngày 25/10/2010.

dòng họ với nhau được quyền kết hôn bằng lễ cưới (Bong bu). Người Raglai theo tục mẫu hệ, vợ cưới chồng, con gái sinh ra theo họ mẹ, con út thừa kế tài sản và thờ cúng tổ tiên. Người chết được gia đình làm lễ bỏ mả (Podhi). Họ thường làm lễ cúng đầu lúa mới (Yang akaok padai) như là dịp tết hằng năm. Mỗi làng đều có luật tục riêng gọi là Adat, có thầy cúng (Poja) để cúng tế và chữa bệnh cho nhân dân.

Tuy nhiên, do là vùng căn cứ cách mạng (1954 - 1975), cho nên, người Raglai cũng ảnh hưởng văn hóa của người Kinh. Nhất là sau giải phóng 1975, với chính sách định cư, định canh và nếp sống mới, văn hóa người Raglai bị biến đổi mạnh mẽ theo văn hóa người Kinh trên nhiều khía cạnh. Ngày nay, một số giá trị văn hóa truyền thống được xem là lỗi thời và Nhà nước đang có nhiều chính sách tác động hướng người Raglai đến một nền văn hóa mới.

Làng người Raglai hiện nay không còn vận hành theo luật tục, mà theo luật pháp của Nhà nước. Vai trò của già làng được thay thế bởi bộ máy chính quyền địa phương. Khách vào làng không đến trình già làng, mà chỉ đến trình chính quyền thôn và xã.

Trang phục truyền thống người Raglai hiện nay đã gần như biến mất, thay vào đó là trang phục người Kinh. Phụ nữ mặc áo quạ, quần hai ống. Nam giới mặc quần tây áo sơ mi hoặc áo bộ đội. Một số giới trẻ người Raglai hiện nay thích mặc quần bò, áo thun bó sát người, nhuộm tóc xanh đỏ và đeo hoa tai một bên kiểu dân tộc thiểu số Châu Mỹ ảnh hưởng qua người Kinh. Trang phục truyền thống người Raglai chỉ xuất hiện trong dịp văn nghệ quần chúng do chính quyền xã huyện, nơi có người Raglai sinh sống tổ chức.

Đám cưới người Raglai hiện nay đã ảnh hưởng đám cưới người Kinh, không còn giữ gìn phong tục và nghi lễ truyền thống, dành nhiều thời gian cho ăn uống. Ngày xưa, nếu chưa cưới nhau mà mang thai thì già làng bắt hai người phải ăn cơm trong máng lợn (be bak njak laboh un). Nhưng ngày nay, hiện tượng người người Raglai “ăn cơm trước kẻng” được xem là bình thường, đám cưới vẫn được tiến hành¹. Trong đám cưới đã mất đi những bài dân ca và những Mã La do người Raglai biểu diễn, thay vào đó là những dòng nhạc Việt, nhạc Tây với loa phát thanh hết công suất. Cô dâu và chú rể người Raglai hiện nay không mặc áo truyền thống mà mặc váy đầm, veston. Đặc biệt, ẩm thực truyền thống không còn trong lễ cưới của người Raglai, thay vào đó là những món ăn uống

theo kiểu Việt, kiểu Tây. Loại hình đám cưới mới hiện nay được giới trẻ người Raglai ưa chuộng. Nhiều gia đình người Raglai không đủ tiền nên phải bán tài sản để làm đám cưới hiện đại cho con.

Ngày xưa, đám cưới truyền thống người Raglai chỉ cần con lợn, vài con gà và vài ché rượu cần là đủ. Bà con đến dự đám cưới một cách vô tư, có người mang theo quà biếu nhưng nhiều nhất chỉ là chai rượu hoặc con gà để chúc mừng cô dâu, chú rể hạnh phúc. Vì đầu tư cho đám cưới nhiều tiền, nên chủ lễ mong muốn bà con đến dự biếu nhiều tiền cho cô dâu, chú rể, ít nhất là 50 ngàn, nhiều nhất là 200 ngàn². Vì vậy, đám cưới trở thành dịp để người Raglai kinh doanh, một vấn nạn hiện nay mà Nhà nước đã phải ra chỉ thị nhằm hạn chế³.

Trước đây, khi người Raglai chết, thi hài được tắm rửa sạch sẽ đặt trong quan tài/ hòm (Baoh atau) làm bằng thân cây tiên (Kayou klan) đem chôn ở nghĩa địa (Pano paneh atau). Sau đó, về nhà làm lễ cúng gồm bát cơm, con lợn và rượu cần, khoảng một tháng sau thì làm nhà mồ (Sang atau). Sau mùa thu hoạch thì làm lễ bỏ mả rồi bỏ luân, nghĩa là không còn cúng tế gì nữa, mà chỉ mời linh hồn tổ tiên trong dịp lễ cúng khác của gia đình. Ngày nay, đa số người Raglai học tập theo người Kinh, nhất là người Ragali là cán bộ cách mạng, khi người chết đặt trong quan tài giống như người Kinh, lập bàn thờ gia tiên cũng giống như người Kinh. Đa số người bình dân, nhất là người được hưởng nhà ở chính sách do Nhà nước xây dựng, đều có sẵn bàn thờ trong nhà kiểu người Kinh. Bàn thờ có thờ ảnh người chết, bình hoa, lư hương, v.v... Đây là loại hình văn hóa xa lạ với văn hóa truyền thống của người Ragali, chỉ xuất hiện khoảng từ 1975 trở lại đây.

Ngày xưa, người Raglai có nghi lễ hội hè riêng, như cúng rẫy, cúng rừng, đặc biệt là lễ ăn đầu lúa mới (Bong akaok podai atau) diễn ra vào các tháng 11 - 12 hằng năm, sau khi thu hoạch mùa màng. Cụ thể, khi lúa gần chín, cắt hai bó lúa về nhà, rang lúa khô, giã thành gạo rồi nấu cơm để cúng lúa mới. Lễ vật cúng gồm: cơm, gà hoặc lợn, một ché rượu. Cúng ngoài rẫy lúa, sau đó đem về nhà cúng tiếp. Cúng xong, gia đình và người thân cùng ăn uống. Nhà nào cúng nhà nấy, không nhất thiết phải cúng đồng loạt trong một ngày. Vì vậy, lễ cúng kéo dài trong một tháng. Lễ này được tổ chức nhằm tạ ơn tổ tiên, thần đất, thần rừng, thần lúa đã cho người Raglai mùa màng và sức khỏe⁴.

Tuy nhiên, tương tự như nhiều tộc người khác, nghi lễ hội hè của người Raglai một thời bị Nhà nước cấm đoán vì cho là mê tín. Mặc dù Nhà nước đã ra Nghị quyết Trung ương 5 về việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nhưng hiện nay, người Raglai không còn tổ chức lễ hội nào lớn hằng năm để biểu hiện được bản sắc văn hóa truyền thống của mình. Giải quyết vấn đề này, thay vì giúp nhân dân khôi phục hội lại lễ hội ăn đầu lúa mới, Nhà nước lại tổ chức và hướng dẫn người Raglai ăn Tết Nguyên Đán theo kiểu người Kinh. Mỗi dịp Tết Nguyên Đán, chính quyền địa phương phát đồ ăn tết cho các gia đình người Raglai, gồm gạo, rượu, thuốc lá, bánh tết, mì gói, mì chính/ bột ngọt, dầu ăn, kẹo bánh. Đã thành lệ, bà con người Raglai lập bàn thờ cúng tổ tiên trong ngày Tết Nguyên Đán. Người Raglai ở các xã Phước Thắng, Phước Kháng, Phước Chiến tỉnh Ninh Thuận ăn Tết Nguyên Đán không khác gì người Kinh thời kháng chiến. Đàn ông Raglai mặc áo bộ đội, đàn bà mặc áo dài Kinh, trong nhà lập bàn thờ, đốt hương, vái lạy như người Kinh.

Những vấn đề nêu trên cho thấy rõ sự tác động của chính sách nhà nước và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của người Kinh, đặc biệt phương tiện truyền thông đã làm cho văn hóa truyền thống của người Raglai biến đổi theo quỹ đạo “văn hóa mới”, thực chất là văn hóa người Kinh.

3. Sự biến đổi tôn giáo của người Raglai hiện nay

Tôn giáo truyền thống của người Raglai là thờ cúng tổ tiên (Mok kei, awei ama), thần đất (Yang tanah), thần rừng (Yang lakaik) thông qua các lễ nghi hằng năm gắn liền với mùa rẫy và vòng đời người. Trong thời kỳ kháng chiến, đặc biệt là sau năm 1975, cuộc vận động chống mê tín, giảm cúng tế và tổ chức nghi lễ hội hè làm cho các hình thức tôn giáo truyền thống này phai nhạt dần trong tâm trí người Raglai. Cho nên, người Raglai ít có cơ hội thờ cúng các vị thần linh của họ.

Do vậy, người Raglai đã đi tìm một đức tin mới để làm chỗ dựa tinh thần. Hiện nay, một số người Raglai trước năm 1975 đã theo Công giáo hoặc Tin Lành như các thôn Bà Râu và Bà Rom ở Ninh Thuận, thôn Cầu Bà ở Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, những năm gần đây vẫn theo hai tôn giáo này, nhưng số lượng không đáng kể. Ví dụ, ở xã Khánh Phú hiện nay có 2.972 người/ 648 hộ, trong đó có 336 người/ 68 hộ theo Tin Lành và 284 người/ 60 hộ theo Công giáo⁵. Thực tế cho thấy, các thôn hoặc gia đình Raglai theo Tin Lành và Công giáo đều biết làm kinh tế, gia đình nền nếp. Đặc biệt, người Raglai theo Tin Lành không uống rượu, không

hút thuốc lá, hai vấn nạn trong xã hội của tộc người này. Người Raglai sẵn sàng đi bộ vượt rừng hàng chục cây số để làm lễ tại nhà thờ vào mỗi Chủ nhật.

Tìm hiểu sự thu hút của Công giáo và Tin Lành đối với người Raglai, chúng nhận tôi thấy, chức sắc của hai tôn giáo này được đào tạo bài bản, thành thạo tiếng nói, chữ viết và phong tục tập quán của người Raglai. Chẳng hạn, Linh mục Ngọc ở Nhà thờ Diên Khánh thành thạo tiếng Raglai, tiếng Êđê và tiếng Chin. Tất cả điều này đều nhằm phục vụ cho công tác truyền đạo. Khi làm dự án phát triển cộng đồng, giáo sĩ hai tôn giáo này lưu tâm kế thừa tập quán sản xuất, tri thức bản địa của người Raglai. Những cuốn *Kinh Thánh* cho người Raglai là viết bằng tiếng Raglai, nhạc lễ thường lồng những làn điệu dân ca người Raglai. Người Raglai đi lễ được khuyến khích mặc trang phục truyền thống dân tộc. Trong các lễ nhà thờ, linh mục, mục sư thường thăm hỏi từng cá nhân và gia đình, có quà cho cho mỗi người như gạo, mì tôm, bánh kẹo, thuốc Tây, v.v... Chức sắc hai tôn giáo này còn giúp đỡ vốn cho một số gia đình hoặc nhóm gia đình phát triển kinh tế; đến tận bệnh viện để thăm hỏi, giúp đỡ tiền chữa bệnh khi tín đồ bị đau ốm; giúp đỡ nhiều con em tín đồ đến trường học khi gặp khó khăn, v.v...⁶

Khi thuyết giảng, linh mục, mục sư không chỉ giảng giải *Kinh Thánh* của Tin Lành và Công giáo, mà còn giáo dục đạo đức của hai tôn giáo này, giúp người Raglai tin vào Thiên Chúa, tin vào cuộc sống, từ đó tạo động lực cho họ có tinh thần vươn lên trong cuộc sống. Quan trọng hơn, chức sắc của Công giáo và Tin Lành luôn truyền bá đức tin, kiến thức cuộc sống bằng tiếng Raglai với từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, gần gũi với cuộc sống nên dễ đi sâu vào lòng tín đồ.

Trong khi đó, mặc dù Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng quá trình thực hiện còn một số bất cập, nên vùng dân tộc thiểu số chậm phát triển. Cán bộ địa phương vùng dân tộc thiểu số, nhất là cấp xã, nhìn chung chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn, chưa quan tâm nhiều đến việc học tiếng, tìm hiểu phong tục tập quán, tri thức bản địa của đồng bào thiểu số. Vì vậy, họ thường phổ biến chính sách của Nhà nước bằng tiếng Việt, với ngôn từ công văn, nghị quyết khó hiểu đối với đồng bào. Bên cạnh đó là một số hạn chế khác từ phía Nhà nước như đầu tư nhiều nhưng còn dàn trải và thất thoát; thiết kế dự án thiếu phù hợp với phong tục tập quán của dân

tộc thiểu số; nhiều mâu thuẫn dân sự chậm giải quyết, v.v... Đó là những nguyên nhân góp phần làm cho người dân tộc thiểu số nói chung, người Raglai nói riêng đi theo các tôn giáo mới, nhất là Công giáo và Tin Lành.

4. Mấy nhận xét bước đầu thay lời kết luận

Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta có nhiều chính sách đúng đắn, thiết thực phát triển kinh tế xã hội và bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, quá trình thực hiện những chính sách này thiếu vắng sự tham gia đóng góp và phản biện của các nhà khoa học chuyên ngành. Vì vậy, nhiều dự án ở vùng dân tộc thiểu số không những không đem lại kết quả như mong muốn, mà còn đẩy khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn ngày càng xa hơn.

Một số địa phương chú trọng phát triển kinh tế mà chưa quan tâm nhiều đến việc bảo tồn văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Vì vậy, một số nhà khoa học và cán bộ chính quyền địa phương cho rằng, xu thế phát triển kinh tế dẫn đến sự biến đổi văn hóa người Raglai là điều tất yếu. Nếu cứ giữ gìn văn hóa truyền thống mà không phát triển kinh tế xã hội, thì thiệt thòi cho bà con, họ sẽ mãi lâm vào cảnh đói nghèo. Theo chúng tôi, vấn đề cần lưu ý ở đây là, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, với người Raglai nói riêng phải được thực hiện làm sao vừa phát triển kinh tế xã hội vừa bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống. Nếu phát triển kinh tế xã hội mà làm cho một tộc người bị mất gốc hoặc bị đồng hóa thì không nên làm.

Nhìn ra một số quốc gia trên thế giới và trong khu vực chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Trong xu thế phát triển bền vững, một số nước Đông Nam Á như Malaysia, Thái Lan, Singapore,... cũng phát triển kinh tế mang bản sắc riêng. Chẳng hạn, Malaysia là một quốc gia đa tộc người, khi phát triển kinh tế, họ vẫn bảo tồn và phát triển văn hóa từng tộc người, như người Mã Lai, người Hoa, người Ấn Độ. Các tộc người này được kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, tạo nên bản sắc văn hóa riêng. Đây là kinh nghiệm cho Việt Nam trong chính sách phát triển vùng người Raglai nói riêng, các dân tộc thiểu số nói chung thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay.

Để phát triển bền vững vùng người Raglai hiện nay, công việc khẩn trương phải tính đến là vừa phát triển kinh tế vừa bảo tồn văn hóa dân tộc. Làm được điều này mới bảo tồn được bản sắc văn hóa người Raglai

trong quá trình hội nhập hiện nay và thực hiện đúng Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Phòng vấn ông Chiêu Đình Khánh, 65 tuổi, thôn Sơn Thành, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, ngày 2/5/2010.
- 2 Phòng vấn bà Cao Xigia, thôn Giang Mương, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, ngày 28/4/2010.
- 3 Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/1/1998, về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.
- 4 Phòng vấn các ông Cao Tinh, Cao La Mân, Chiêu Đình Khánh, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, ngày 2/5/2010.
- 5 Báo cáo tình hình kinh tế xã hội 06 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2010 của UBND xã Khánh Phú - Khánh Hòa, số 072/BC-UBND, ngày 10/6/2010: 2 - 3.
- 6 Tư liệu phỏng vấn nhóm người Raglai theo Tin Lành tại nhà ông Cao Sumir, 75 tuổi, thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Abstract

THE TRANSFORMATION OF CULTURE AND RELIGION OF THE RAGLAI PEOPLE IN VIETNAM AT PRESENT

Basing on documents through the survey in the central provinces in southern Vietnam as Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa,... the article introduced the changes in culture and religion of the Raglai at present. The article has given some discussion on economic and social development, but still preserving the traditional culture and religion of the Raglai in the future.

Key words: Culture, religion, the Raglai people.